TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30/3/2026
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Khải

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Bà Lê Thị Xuân Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Thuý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 181/2025/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Cẩm T, sinh năm 1999. (Có đơn đề nghị vắng mặt).

Địa chỉ: Số B ấp E, xã T, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1989. (Vắng mặt)

Địa chỉ: khu V, phường T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Cẩm T trình bày:

Bà và ông Phạm Văn N quen biết nhau và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 43, ngày 10/4/2017. Thời gian đầu sống chung vợ chồng hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, bà không thể tiếp tục sống chung với ông N nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: có một con chung tên Phạm Ngọc M (nữ), sinh ngày 13/3/2016. Khi ly hôn bà nhường quyền nuôi con cho ông N, bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời bà cũng có đơn đề nghị yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

Bị đơn ông Phạm Văn N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên Toà án không ghi nhận được lời khai

Tại phiên tòa sơ thẩm: nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Hồ Thị Cẩm T và ông Phạm văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Nguyên đơn có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự trình bày tự khai, tự giao nộp tài liệu chứng cứ, thuộc trường hợp Tòa án không có thu thập chứng cứ nên không có Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: nguyên đơn và bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, bà T cũng thừa nhận không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với ông N. Đối với ông N mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông không đến Toà án, cho thấy ông cũng không còn quan tâm gì đến mối quan hệ vợ chồng với bà T và hôn nhân giữa hai người chỉ còn tồn tại về mặt pháp lý. Do đó bà T yêu cầu được ly hôn với ông N là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: có một con chung tên Phạm Ngọc M (nữ), sinh ngày 13/3/2016. Nguyên đơn đồng ý nhường quyền nuôi con cho bị đơn. Nguyên đơn không cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung thấy rằng: nguyên đơn trình bày không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Do đây là vụ án xin ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo qui định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

- Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

- Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Cẩm T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Hồ Thị Cẩm T được ly hôn với ông Phạm Văn N.

2. Về con chung: bị đơn được quyền nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc M (nữ), sinh ngày 13/3/2016. Nguyên đơn không cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm con cho nguyên đơn theo quy định

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: nguyên đơn bà T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Được trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0007075 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Phòng THA DS KV4-Cần Thơ;
- TAND TP.Cần Thơ
- Lưu (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Khải